TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày : 12/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cẩu;

2. Ông Trần Đặng Hồng Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang – Cơ sở 02, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Hồ Tấn T, sinh năm 1985, tại tỉnh An Giang; Căn cước: 089085003226 cấp ngày 14/3/2025; nơi cư trú: khóm I, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là khóm I, phường L, tỉnh An Giang); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; con ông Hồ Bá T1 (đã chết) và bà Trần Mỹ L, sinh năm: 1960; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1985, có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008.

- Tiền án, Tiền sự: không;

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2025 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Ngọc Ê, sinh năm 1969, tại tỉnh An Giang; Căn cước công dân: 089069027389 cấp ngày 29/5/2021; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp A, xã L, tỉnh An Giang); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; con ông Trần Văn K (đã chết) và bà Dương Thị D (không rõ năm

sinh); bị cáo có vợ là Dương Thị Thanh P, sinh năm 1973, có 05 người con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2011.

- Tiền án, Tiền sự: không;

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2025 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Bảo S, sinh năm 1978, tại tỉnh An Giang; Căn cước công dân: 089078015647 cấp ngày 27/12/2022; nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp P, xã B, tỉnh An Giang); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật Giáo; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; con ông Trần Nghĩa H, sinh năm 1951 và bà Lý Thị C, sinh năm: 1953; bị cáo có vợ là Lê Thị Kim H1, sinh năm 1979, có 04 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2020.

- Tiền án, Tiền sự: không;

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2025 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Công ty TNHH T8; Địa chỉ: số E C, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (nay là số E C, phường L, tỉnh An Giang)

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Đức T2, sinh năm 1974 – Chức vụ: Quản đốc Nhà máy; Địa chỉ: khóm T, phường M, tỉnh An Giang. SĐT: 0917254092 (Theo giấy uỷ quyền ngày 11/8/2025) (có mặt);

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Văn T3, sinh năm 1990; Cư trú: ấp P, xã B, tỉnh An Giang. SĐT: 0392569324 (vắng mặt)

2. Ông Võ Thanh L1, sinh năm 1979; Cư trú: ấp P, xã B, tỉnh An Giang. SĐT: 0372868687 (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1982; Cư trú: khóm P, phường L, tỉnh An Giang. SĐT: 0845464509 (vắng mặt)

4. Ông Trần Văn T4, sinh năm 2004; Cư trú: ấp P, xã B, tỉnh An Giang. SĐT: 0981430598 (vắng mặt)

5. Bà Tăng Thị Ngọc G, sinh năm 1982; Cư trú: ấp P, xã B, tỉnh An Giang. SĐT: 0987755242 (vắng mặt)

* *Người làm chứng:* các ông Võ Văn N, Văng Minh T5, Lê Phước H2, Nguyễn Văn B, Bùi Ngọc T6, Nguyễn Văn Ư, Nguyễn An L2, Nguyễn Thanh B1, Hồ Thanh L3, Nguyễn Văn C1, Hứa Hoàng H3 và bà Trần Thị Thu T7 đều vắng mặt; các ông Lê Quốc C2 và Lê Công N1 đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Tấn T, Trần Ngọc Ê và Trần Bảo S là công nhân làm thuê cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T8 (công ty) có trụ sở chính tại số E C, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số E C, phường L, tỉnh An Giang), nhà máy của Công ty đặt tại khu Công nghiệp B thuộc ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp P, xã B, tỉnh An Giang).

Khoảng 07 giờ ngày 23/11/2024, Trần Đức T2 là quản lý công ty phân công T điều khiển xe cẩu chuyên dùng, Ê điều khiển xe ô tô tải cẩu biển số 67C - 064.53, S làm phụ xe và Nguyễn An L2 điều khiển xe ô tô tải cẩu biển số 67C - 144.67, Nguyễn Công N2 làm phụ xe, cùng nhau vận chuyển 55 cây cừ Larsen, loại cừ 400, dài 12 mét và 01 bộ khung láng trại từ nhà máy công ty X bến cảng để vận chuyển đi tỉnh Kiên Giang. T điều khiển xe cẩu chuyên dùng cẩu các cây cừ Larsen lên xe ô tô tải cẩu do L2 điều khiển vận chuyển 29 cây cừ Larsen, Ê vận chuyển 26 cây cừ Larsen, tổng cộng 55 cây cừ Larsen xuống bến cảng. T tiếp tục điều khiển xe cẩu chuyên dùng cẩu 01 bộ khung láng trại lên xe ô tô tải cẩu do Ê điều khiển và S là phụ xe. Lúc này, T thấy 01 cây cừ Larsen, dài 3,06 mét và 01 cây cừ Larsen, dài 3,19 mét đang để tại khu vực gần bộ khung láng trại nên T rủ Ê và S lấy trộm 02 cây cừ L4 đem bán lấy tiền tiêu sài. Ê và S đồng ý. T cẩu 02 cây cừ L4 để lên thùng xe tải, S dùng tol của bộ K1 láng trại che lại để tránh bị bảo vệ nhà máy phát hiện. Ê điều khiển xe ô tô tải cẩu chở T và S cùng bộ K1 láng trại và 02 cây cừ Larsen vừa lấy trộm đến đoạn đường vắng đối diện cổng chính khu Công nghiệp B, T và S đem 02 cây cừ Larsen để xuống đường, Ê và S cùng nhau chở khung láng trại xuống bến cảng, riêng T đem bán 02 cây cừ Larsen cho Võ Thanh L1 và Tăng Thị Ngọc G được 2.380.000 đồng, T cho Ê 800.000 đồng, S 600.000 đồng, Trần Văn T4 200.000 đồng và Nguyễn Tuấn A 200.000 đồng, còn lại T tiêu xài cá nhân hết. Ngày 27/11/2024, Nguyễn Văn B là bảo vệ nhà máy Công ty phát hiện bị mất 02 cây cừ Larsen, nên báo cho quản lý nhà máy đến Công an xã B trình báo.

Ngày 05/4/2025, Hồ Tấn T, Trần Ngọc Ê và Trần Bảo S bị khởi tố, điều tra.

*** Căn cứ Bản Kết luận định giá tài sản số 54/KL.HĐ ngày 26/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận:**

- 01 cây cừ Larsen bằng kim loại sắt, dài 3,06 mét, rộng 0,4 mét, dày 0,012 mét, bề sóng 0,17 mét, nặng 160 kg, đã qua sử dụng, có giá trị 1.248.000 đồng.

- 01 cây cừ Larsen bằng kim loại sắt, dài 3,19 mét, rộng 0,4 mét, dày 0,012 mét, bề sóng 0,17 mét, nặng 180 kg, đã qua sử dụng, có giá trị 1.404.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 2.652.000 đồng.

Lời khai người đại diện theo ủy quyền của bị hại Trần Đức T2; lời khai người làm chứng Võ Văn N, Văng Minh T5, Lê Phước H2, Nguyễn Văn B, Bùi Ngọc T6, Lê Quốc C2, Nguyễn Văn Ư, Nguyễn An L2, Lê Công N1, Nguyễn Thanh B1, Lê Văn T3, Hồ Thanh L3, Nguyễn Văn C1, Trần Thị Thu T7, Hứa Hoàng H3; lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thanh L1,

Nguyễn Tuấn A, Trần Văn T4, Tăng Thị Ngọc G trình bày phù hợp như nội dung vụ án. Tín được Giám đốc Công ty TNHH T8 ủy quyền tham gia tố tụng, T2 đại diện Công ty đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm và không yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo. T4 và Tuấn A được T cho mỗi người 200.000 đồng, không biết tài sản do phạm tội mà có. L1 và G đã được T trả lại toàn bộ số tiền mua phế liệu, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra, các bị cáo Hồ Tấn T, Trần Ngọc Ê và Trần Bảo S đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung, diễn biến vụ án, lời khai người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. T cho tiền T4 và Tuấn A thì không nói nguồn gốc tiền từ đâu mà có, nên T4 và Tuấn A không biết tiền do bán tài sản lấy trộm mà có. T, Ê và S đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người mua phế liệu.

*** Vật chứng thu giữ:** 01 cây cừ larsen bằng kim loại, dài 3,06 mét, rộng 0,4 mét, dày 0,012 mét, bề sóng 0,17 mét, nặng 160 kg và 01 cây cừ larsen bằng kim loại, dài 3,19 mét, rộng 0,4 mét, dày 0,012 mét, bề sóng 0,17 mét, nặng 180 kg (đã trao trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T8).

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSCT ngày 14/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang đã truy tố các bị cáo Hồ Tấn T, Trần Ngọc Ê, Trần Bảo S cùng về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Hồ Tấn T, Trần Ngọc Ê, Trần Bảo S đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện theo uỷ quyền của bị hại ông Trần Đức T2 trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn T8 đã nhận lại tài sản bị lấy trộm, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; xin bãi nại cho các bị cáo, công ty vẫn tạo điều kiện cho các bị cáo được tiếp tục làm việc tại công ty.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về trách nhiệm hình sự: Xét thấy các bị cáo Hồ Tấn T, Trần Ngọc Ê, Trần Bảo S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đại diện theo uỷ quyền của bị hại xin bãi nại cho các bị cáo, nếu các bị cáo chấp hành hình phạt tù sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của công ty; các bị cáo có khả năng tự cải tạo, trong thời gian cấm đi khỏi nơi cư trú chấp hành tốt chính sách phát luật tại địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Hồ Tấn T, Trần Ngọc Ê, Trần Bảo S mỗi bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, cùng về tội "Trộm cắp tài sản". Hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: đề nghị không đặt ra xem xét.

- Các bị cáo T, Ê, S đều không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

- Đại diện hợp pháp của bị hại ông Trần Đức T2: không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận, ăn năn, xin hứa không tái phạm, sẽ sửa chữa, khắc phục sai lầm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, những người nêu trên đã trình bày rõ lời khai tại giai đoạn điều tra nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với nội dung diễn biến của vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Có đầy đủ căn cứ xác định: Các bị cáo Hồ Tấn T, Trần Ngọc Ê và Trần Bảo S đã có hành vi lén lút lấy trộm 02 cây cừ Larsen bằng kim loại, trị giá 2.652.000 đồng của Công ty trách nhiệm hữu hạn T8, nhằm mục đích bán lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Hành vi của các bị cáo T, Ê, S đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang đã truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo Hồ Tấn T, Trần Ngọc Ê và Trần Bảo S đều là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lẽ ra các bị cáo phải cần cù lao động chân chính tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và gia đình, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội nhưng ngược lại vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động vất vả, các bị cáo đã coi thường pháp luật lấy trộm tài sản của bị hại chính là công ty đã nhận các bị cáo vào làm, tạo công ăn việc làm cho các bị cáo.

Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Gây mất lòng tin của các công ty vào đội ngũ công nhân, người làm thuê lao động chân chính.

Xét thấy, vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo chỉ vì lòng tham nhất thời nên đã nảy sinh ý định và cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, không có sự cấu kết chặt chẽ và phân công nhiệm vụ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Trong đó, bị cáo T là người khởi xướng rủ bị cáo Ê và S lấy trộm 02 cây cừ L4, bị cáo còn thực hiện với vai trò là người thực hành cẩu 02 cây cừ lên xe tải. Đối với các bị cáo Ê và S với vai trò giúp sức cho bị cáo T di chuyển 02 cây cừ ra khỏi khu vực quản lý của nhà máy.

Do đó, cần có một mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; thuộc thành phần nhân dân lao động, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục thiệt hại, bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T, Ê và S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất

bộc phát nhất thời, trong thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú các bị cáo đã chấp hành tốt các chính sách pháp luật và quy định tại địa phương; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị hại xin bãi nại cho các bị cáo, đại diện theo uỷ quyền của bị hại trình bày nếu các bị cáo chấp hành hình phạt tù sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của công ty; nhận thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo T, Ê, S được hưởng án treo phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Đối với Võ Thành L5 và Tăng Thị Ngọc G đã được bị cáo T trả lại toàn bộ số tiền mua phế liệu, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án gồm: 01 cây cừ Larsen bằng kim loại sắt, dài 3,06 mét, rộng 0,4 mét, dày 0,012 mét, bề sóng 0,17 mét, nặng 160 kg, đã qua sử dụng và 01 cây cừ Larsen bằng kim loại sắt, dài 3,19 mét, rộng 0,4 mét, dày 0,012 mét, bề sóng 0,17 mét, nặng 180 kg đã được Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Các vấn đề khác:

- Đối với: Võ Thanh L1, Tăng Thị Ngọc G khi mua tài sản và Trần Văn T4, Nguyễn Tuấn A khi được T cho tiền, không biết tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hồ Tấn T, Trần Ngọc Ê, Trần Bảo S cùng phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt: Bị cáo Hồ Tấn T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án (12/8/2025).

- Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Ê 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án (12/8/2025).

- Xử phạt: Bị cáo Trần Bảo S 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án (12/8/2025).

Giao bị cáo Hồ Tấn T cho Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Ngọc Ê cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Bảo S cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự năm 2010.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Không.

5. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Các bị cáo Hồ Tấn T, Trần Ngọc Ê, Trần Bảo S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh An Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng THADS khu vực 10 – An Giang;
- Ủy ban nhân dân phường Long Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã Long Kiến;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Hoà;
- Phòng TT, KT & THA;
- PV 06;
- Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Quyên